



## NỘI DUNG CHÍNH

### TIN ĐÁNG CHÚ Ý

1. Hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.
2. Quy định mới về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế.
3. Quy định về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.
4. Quy định về đánh giá sơ bộ tác động môi trường.

### BÀI VIẾT

Nợ của doanh nghiệp: Người đại diện theo pháp luật có nghĩa vụ liên đới?

### ĐỌC BÁO GIÚP BẠN

1. BHXH Việt Nam đồng ý miễn đóng BHYT 8 tháng cho người lao động.
2. Bộ sẽ nghiên cứu, tiếp thu, sửa đổi Luật quảng cáo.

### GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC

1. Chính sách thuế thu nhập cá nhân.
2. Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng vốn.
3. Chính sách thuế thu nhập cá nhân với chuyên gia nước ngoài sử dụng nhà của công ty.
4. Hướng dẫn về hóa đơn chi phí trước khi thành lập doanh nghiệp.

### DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

## 1. Hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Ngày 01/6/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 40/2021/TT-BTC (“**Thông tư 40/2021**”) hướng dẫn thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập cá nhân (TNCN) và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Thông tư 40/2021 sẽ có hiệu lực từ ngày 01/8/2021 và bãi bỏ Chương I, Chương II của Thông tư 92/2015/TT-BTC, trong đó, có một số nội dung mới đáng lưu ý sau đây:

### 1.1 Bổ sung thêm đối tượng áp dụng

So với Thông tư 92/2015/TT-BTC, Thông tư 40/2021 đã bổ sung thêm các đối tượng áp dụng sau:

- Hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động thương mại điện tử trong đó gồm cả cá nhân có thu nhập từ sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số.
- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế của khẩu trên lãnh thổ Việt Nam.
- Cá nhân cho thuê tài sản.
- Cá nhân chuyển nhượng tên miền internet quốc gia Việt Nam “.vn”.
- Tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân.
- Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân.
- Doanh nghiệp xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp trả thu nhập cho cá nhân trực tiếp ký hợp đồng đại lý bán đúng giá xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp.
- Cơ quan thuế, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan

### 1.2 Các phương pháp nộp thuế

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thể nộp thuế theo các phương pháp sau:

- (1) Nộp thuế theo phương pháp kê khai: áp dụng với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quy mô lớn hoặc cá nhân kinh doanh chưa đáp ứng quy mô lớn nhưng lựa chọn nộp thuế theo phương pháp kê khai.
- (2) Nộp thuế theo từng lần phát sinh: áp dụng đối với cá nhân kinh doanh không thường xuyên và không có địa điểm kinh doanh cố định.
- (3) Nộp thuế theo phương pháp khoán: áp dụng đối với các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thuộc trường hợp nộp thuế theo 2 phương pháp trên.

Ngoài ra, Thông tư 40/2021 còn hướng dẫn chi tiết về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và ban hành Danh mục ngành nghề tính thuế GTGT, thuế TNCN theo tỷ lệ % trên doanh thu đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại Phụ lục I của Thông tư 40/2021.

## 2. Quy định mới về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế

Ngày 17/5/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 31/2021/TT-BTC (“**Thông tư 31/2021**”) quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế. Thông tư 31/2021 sẽ có hiệu lực từ ngày 02/7/2021 và thay thế Thông tư 204/2015/TT-BTC và có một số điểm mới đáng lưu ý như sau:

### 2.1 Bổ sung một số nguyên tắc quản lý rủi ro

So với với Thông tư 204/2015/TT-BTC, Thông tư 31/2021 bổ sung một số nguyên tắc quản lý rủi ro sau đây:

- Thông tin quản lý rủi ro được thu thập từ các nguồn thông tin bên trong và bên ngoài cơ quan thuế theo quy định của pháp luật và được quản lý tập trung tại Tổng cục Thuế thông qua hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ cho mục đích quản lý thuế theo quy định của pháp luật.
- Đánh giá, phân loại mức độ tuân thủ pháp luật thuế và mức độ rủi ro người nộp thuế được thực hiện tự động, dựa trên phân đoạn người nộp.
- Căn cứ vào kết quả đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật thuế, phân loại mức độ rủi ro người nộp thuế, thông tin có trên các ứng dụng hỗ trợ quản lý thuế của cơ quan thuế, thông tin dấu hiệu vi phạm, dấu hiệu rủi ro khác được cung cấp tại thời điểm ra quyết định, cơ quan thuế thực hiện:
  - (i) Quyết định kiểm tra, thanh tra, giám sát, áp dụng các biện pháp nghiệp vụ phù hợp.
  - (ii) Xây dựng kế hoạch nâng cao tuân thủ tổng thể phù hợp với nguồn lực của cơ quan thuế dựa trên kết quả phân tích bản chất hành vi, nguyên nhân và quy mô

của mỗi mức độ tuân thủ pháp luật thuế, mức độ rủi ro.

- Công chức thuế được miễn trừ trách nhiệm cá nhân khi đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, quy định tại Thông tư 31/2021 và các quy định, hướng dẫn về quản lý rủi ro.
- Khi ứng dụng gặp sự cố hoặc chưa đáp ứng yêu cầu áp dụng quản lý rủi ro và xử lý khi có thay đổi thông tin dẫn đến thay đổi kết quả đánh giá tuân thủ pháp luật thuế và phân loại mức độ rủi ro người nộp thuế mà ứng dụng quản lý rủi ro chưa tự động điều chỉnh mức độ tuân thủ và mức độ rủi ro thì việc điều chỉnh được thực hiện thủ công bằng phê duyệt hoặc văn bản ký phát hành của người có thẩm quyền.

### 2.2 4 mức độ đánh giá tuân thủ pháp luật của người nộp thuế

Theo Điều 10 của Thông tư 31/2021, người nộp thuế (NNT) được đánh giá, phân loại theo 1 trong 4 mức độ tuân thủ pháp luật thuế gồm: (i) Tuân thủ cao; (ii) Tuân thủ trung bình; (iii) Tuân thủ thấp; và (iv) Không tuân thủ. Đối với NNT thuộc mức không tuân thủ, thực hiện các biện pháp quản lý theo quy định tại Điều 22 về kiểm soát, giám sát trọng điểm đối với người nộp thuế có dấu hiệu vi phạm pháp luật thuế của Thông tư 31/2021. Còn NNT thuộc các mức tuân thủ cao, trung bình, thấp và không tuân thủ,

thực hiện phân tích bản chất hành vi để xác định biện pháp nâng cao tuân thủ.

### 2.3 Các biện pháp nâng cao tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế

Căn cứ kết quả đánh giá tuân thủ pháp luật thuế, cơ quan thuế thực hiện phân tích bản chất hành vi, quy mô của mỗi mức độ tuân thủ pháp luật thuế của NNT, xây dựng kế hoạch nâng cao tuân thủ pháp luật thuế với các biện pháp xử lý phù hợp với mỗi vấn đề tuân thủ như sau:

- Đối với trường hợp tuân thủ cao: được đưa vào danh sách xem xét, lựa chọn tuyên dương, khen thưởng người nộp thuế tuân thủ pháp luật thuế.
- Trường hợp cần nâng cao tuân thủ: triển khai các biện pháp hỗ trợ người nộp thuế thực hiện các thủ tục về thuế, tổ chức các chương trình tiếp xúc với NNT, hội nghị đối thoại, hội thảo, đào tạo giúp NNT thực hiện đúng, đủ nghĩa vụ thuế, nghiên cứu sửa đổi chính sách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính và được phân loại rủi ro và áp dụng các biện pháp quản lý thuế.

### 2.4 Bổ sung trường hợp giám sát trọng điểm về thuế

Ngoài các trường hợp thuộc diện kiểm soát, giám sát trọng điểm có dấu hiệu vi phạm pháp luật thuế quy định tại Thông tư 204/2015/TT-BTC, Thông tư 31/2021 bổ sung thêm dấu hiệu: NNT được đánh giá không tuân thủ pháp luật thuế, NNT

được xếp hạng rủi ro cao, rủi ro rất cao và NNT không giải trình, bổ sung thông tin hoặc có giải trình, bổ sung thông tin nhưng không đầy đủ theo yêu cầu và thời hạn tại thông báo bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế.

### 2.5 Áp dụng quản lý rủi ro đối với người nộp thuế là cá nhân

- Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, trường hợp rủi ro cao có thể áp dụng một hoặc kết hợp các biện pháp sau: (i) rà soát, kiểm tra, xác minh các thông tin liên quan làm cơ sở xác định lại doanh thu, mức thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; (ii) lập danh sách kiểm tra, khảo sát để xác định lại doanh thu, mức thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và việc thực hiện nghĩa vụ thuế của các tổ chức có liên quan.
- Đối với cá nhân có các khoản thu liên quan đến đất đai, tài sản gắn liền với đất thuộc trường hợp rủi ro cao thì thực hiện phân tích hồ sơ, lập danh sách trình thủ trưởng cơ quan thuế kế hoạch kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế, thực hiện kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế theo quy định hiện hành đối với cá nhân và tổ chức có liên quan.

Bên cạnh đó, Thông tư 31/2021 còn quy định cụ thể các tiêu chí đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật thuế của NNT như: tiêu chí đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật thuế của NNT gồm 6 nhóm tiêu chí, tiêu chí phân loại mức độ rủi ro NNT là doanh nghiệp gồm 26 nhóm tiêu chí và tiêu chí phân loại mức độ rủi ro NNT là cá nhân gồm 8 nhóm tiêu chí.

### 3. Quy định về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ

Ngày 04/6/2021, Chính phủ ban hành Nghị định 57/2021/NĐ-CP (“**Nghị định 57/2021**”) về việc bổ sung điểm g khoản 2 Điều 20 Nghị định 218/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP) về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Nghị định 57/2021 có hiệu lực từ ngày ký ban hành, tức ngày 04/6/2021.

Nghị định 57/2021 bổ sung đối tượng doanh nghiệp được ưu đãi thuế TNDN khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Có dự án đầu tư (đầu tư mới và đầu tư mở rộng) sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển, thực hiện trước ngày 01/01/2015.
- Đáp ứng các điều kiện của dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo Luật sửa đổi các luật về thuế 2014.
- Được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện trên được hưởng ưu đãi về thuế TNDN như sau:

- Trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ mà thu nhập từ dự án này chưa được hưởng ưu đãi thuế

TNDN thì được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ kể từ kỳ tính thuế được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

- Trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ mà thu nhập từ dự án này đang hưởng hoặc đã hưởng hết ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện ưu đãi khác thì được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

Thời gian ưu đãi còn lại được xác định bằng thời gian ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trừ đi số năm miễn thuế, số năm giảm thuế, số năm hưởng thuế suất ưu đãi đã được hưởng ưu đãi theo điều kiện ưu đãi khác.

### 4. Quy định về đánh giá sơ bộ tác động môi trường

Ngày 21/5/2021, Chính phủ ban hành Nghị định 54/2021/NĐ-CP (“**Nghị định 54/2021**”) quy định về đánh giá sơ bộ tác động môi trường. Nghị định 54/2021 có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Theo Nghị định 54/2021, đối tượng phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường bao gồm dự án đầu tư thuộc đối

tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- (1) Dự án đầu tư công (trừ các dự án đầu tư công khẩn cấp, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, dự án thành phần thuộc dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch).
- (2) Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP).
- (3) Dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.
- (4) Dự án đầu tư thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trừ trường hợp cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư.

Việc đánh giá sơ bộ tác động môi trường bao gồm các nội dung sau:

- Đánh giá sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án đầu tư với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia...
- Nhận dạng, dự báo các tác động môi trường chính của dự án đầu tư đối với môi trường trên cơ sở quy mô, công nghệ sản xuất và địa điểm thực hiện dự án.
- Nhận diện yếu tố nhạy cảm về môi trường của khu vực thực hiện dự án đầu tư theo các phương án về địa điểm (nếu có).

- Phân tích, đánh giá, lựa chọn phương án về quy mô, công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải, địa điểm thực hiện dự án đầu tư và biện pháp giảm thiểu tác động môi trường.
- Xác định các vấn đề môi trường chính và phạm vi tác động đến môi trường cần lưu ý trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường.

Ngoài ra, theo Nghị định 54/2021, các dự án sau đây không phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường:

- (1) Dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước ngày 21/5/2021 với kết quả thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung và dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trước ngày 21/5/2021.
- (2) Dự án đầu tư đã thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường và được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
- (3) Đối với dự án PPP đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư trước ngày 01/01/2021 và đã có báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường thì được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận.

GV Lawyers trân trọng giới thiệu đến quý độc giả một bài viết của Luật sư Đỗ Đức Anh và cô Trương Ngọc Mai có tiêu đề: ***“Nợ của doanh nghiệp: Người đại diện theo pháp luật có nghĩa vụ liên đới?”*** được đăng trên Thời báo Kinh tế Sài Gòn số 24-2021 (1.591) ngày 10/6/2021.

## BÀI VIẾT

*Đại dịch Covid-19 chưa qua, nhiều doanh nghiệp đã không chỉ rơi vào tình trạng kinh doanh bị đình đốn, thậm chí tê liệt, mà còn vướng vào các vụ tranh chấp công nợ “bức bí” đến mức phải khởi kiện ra tòa án. Món nợ này sẽ do ai trả?*

Thuật ngữ “người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp” (NĐDTPL) đã khá quen thuộc với giới doanh nhân và các nhà quản trị. Có thể thấy trên thực tế, NĐDTPL của doanh nghiệp thường là cá nhân có góp vốn vào doanh nghiệp trong công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp.

Như vậy, ở một khía cạnh nào đó, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ảnh hưởng trực tiếp tới quyền lợi của NĐDTPL. Hay nói cách khác, lợi ích của doanh nghiệp và NĐDTPL có sự gắn bó chặt chẽ. Có lẽ xuất phát từ góc nhìn như vậy, nên tồn tại niềm tin rằng khi doanh nghiệp có nghĩa vụ thanh toán công nợ thì NĐDTPL cũng phải có nghĩa vụ liên đới.

Niềm tin đó có xu hướng phổ biến hơn trong tình trạng kinh tế đầy thách thức trong đại dịch Covid-

19, khi không chỉ các hoạt động kinh doanh bị đình đốn, thậm chí tê liệt, mà nhiều doanh nghiệp còn vướng vào các vụ tranh chấp công nợ “bức bí” đến mức phải khởi kiện ra tòa án, và có những công ty thua kiện nhưng không còn tiền hay tài sản cho việc thi hành án. Và rồi người ta đặt câu hỏi về sự liên đới của NĐDTPL đối với nghĩa vụ trả nợ của doanh nghiệp, đặc biệt khi NĐDTPL vẫn cho thấy hình ảnh khá thoải mái của họ về mặt kinh tế, như vẫn sống ở nhà lầu, đi xe hơi, có tài xế đưa đón... Chẳng lẽ lợi nhuận thì anh hưởng còn công nợ thì anh đẩy hết về cho doanh nghiệp?

### **NĐDTPL có liên đới đối với nghĩa vụ thanh toán của doanh nghiệp hay không?**

Pháp luật hiện hành có quy định các trường hợp mà NĐDTPL có trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho doanh nghiệp, đó là trường hợp vi phạm những trách nhiệm như sau: Một, thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp.

Hai, trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Ba, thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan với mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Theo đó, pháp luật hiện hành chỉ giới hạn trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại của doanh nghiệp trong một số trường hợp nhất định. Và cũng cần lưu ý, “thiệt hại của doanh nghiệp (như nêu tại quy định trên đây) và “công nợ của doanh nghiệp” là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau. Nếu “công nợ của doanh



nghiệp” là hậu quả của các giao dịch thương mại, không xuất phát từ lỗi của NĐDTPL, thì NĐDTPL không phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các công nợ này.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp nhất định vẫn thể ràng buộc trách nhiệm của NĐDTPL trong việc thanh toán công nợ của doanh nghiệp bởi hình thức bảo lãnh cá nhân.

Trên thực tế, các bên giao dịch vẫn thường tìm đến dịch vụ của ngân hàng được biết đến với tên gọi “thư tín dụng” hay “thư bảo lãnh” để bảo đảm quyền được thanh toán. Bản chất của thư tín dụng và thư bảo lãnh là “bảo lãnh”. Đây là một trong các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Dân sự 2015 và cũng nằm trong nhóm biện pháp thường gặp nhất trong kinh doanh thương mại.

Bảo lãnh nói chung và bảo lãnh ngân hàng nói riêng thường được áp dụng trong các giao dịch xuyên quốc gia. Bảo lãnh ngân hàng là biện pháp bảo đảm có độ tin cậy bởi các ngân hàng thường là các chủ thể có uy tín cao. Tuy vậy, để ngân hàng cấp bảo lãnh thì các bên sẽ phải trả phí cho ngân hàng. Nếu không thỏa

thuận được bên nào trả phí bảo lãnh thì không thiết lập được biện pháp bảo đảm này. Trong trường hợp này, hai doanh nghiệp cần hướng tới bảo lãnh cá nhân được cam kết bởi chính NĐDTPL của mình.

### **Bảo lãnh cá nhân: biện pháp hiệu quả với chi phí thấp**

Điều 335 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định “Bảo lãnh là việc người thứ ba (bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”.

Như vậy, trong việc ký một cam kết bảo lãnh thanh toán với hai doanh nghiệp có quan hệ hợp đồng, NĐDTPL của doanh nghiệp sẽ đóng vai trò người thứ ba, tức bên bảo lãnh. Và bởi bản thân doanh nghiệp và NĐDTPL có mối quan hệ chặt chẽ nên việc ký kết một hợp đồng bảo lãnh sẽ không phát sinh quá nhiều chi phí như việc sử dụng dịch vụ bảo lãnh ngân hàng.

Thực tế đã có nhiều bản án mà Tòa án tuyên chấp nhận vai trò “bên bảo lãnh” của

NĐDTPL, yêu cầu NĐDTPL phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho doanh nghiệp. Có thể kể tới bản án sơ thẩm (đã có hiệu lực pháp luật) ngày 23-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa một bên là ngân hàng và một bên là pháp nhân được cấp khoản vay. Tại bản án này, Tòa án đã tuyên buộc NĐDTPL của pháp nhân phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của mình theo hợp đồng bảo lãnh cá nhân ngày 31-12-2010 đối với các khoản nợ của pháp nhân.

Như vậy, trong trường hợp NĐDTPL của pháp nhân không ký kết hợp đồng bảo lãnh cá nhân với ngân hàng thì việc thi hành bản án/thu hồi khoản vay sẽ phải phụ thuộc vào tình trạng tài sản của pháp nhân. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, pháp nhân không còn đủ tài sản để thi hành án do kinh doanh thua lỗ; hay thậm chí bằng cách nào đó, NĐDTPL đã chuyển quyền sở hữu các tài sản có giá trị của pháp nhân sang cho chính mình, làm cho việc thi hành bản án/thu hồi khoản vay gặp nhiều bất lợi.

Vì vậy, bảo lãnh cá nhân (đặc biệt là bảo lãnh cá nhân được cam kết bởi chính NĐDTPL) có thể



được áp dụng như một biện pháp dự phòng hiệu quả khi xem xét biện pháp bảo lãnh không phát sinh quá nhiều chi phí, bên cạnh đó, pháp luật hiện hành cũng không buộc phải thực hiện thủ tục công chứng, đăng ký đối với biện pháp này.

Ngoài ra, biện pháp bảo lãnh cá nhân hoàn toàn có thể áp dụng với bất kỳ cá nhân nào có vai trò quan trọng của doanh nghiệp như chủ sở hữu công ty, chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, hay cả các cá nhân khác dù không tham gia trực tiếp quản lý, điều hành

doanh nghiệp nhưng vẫn có tiếng nói quyết định đối với doanh nghiệp.

Nhưng với trường hợp NDDTPL không đồng ý ký bảo lãnh cá nhân thì phải xử lý thế nào? Đối với các ngân hàng thương mại, việc xử lý không quá khó khăn bởi ngân hàng luôn có những quy định về điều kiện cấp tín dụng mà khách hàng cần phải đáp ứng, nếu không đáp ứng, ngân hàng có quyền từ chối cấp tín dụng cho khách hàng. Còn đối với các doanh nghiệp có quan hệ thương mại với nhau, các bên có thể thỏa thuận cụ thể trong hợp

đồng thương mại rằng: một trong những điều kiện để hợp đồng thương mại phát sinh hiệu lực là bên có nghĩa vụ thanh toán phải cung cấp được cho bên kia một bảo lãnh cá nhân của NDDTPL.

Pháp luật đã có những quy định mà doanh nghiệp có thể áp dụng nhằm đảm bảo quyền được thanh toán theo hợp đồng. Doanh nghiệp nên vận dụng các điều khoản luật định trong thực tiễn hoạt động kinh doanh thương mại nhằm hạn chế cao nhất các rủi ro có thể xảy ra trên thương trường.

## 1. BHXH Việt Nam đồng ý miễn đóng BHYT 8 tháng cho người lao động

Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam đồng ý với đề xuất của Tổng Liên đoàn lao động (LĐLĐ) Việt Nam cho doanh nghiệp và người lao động được miễn đóng vào Quỹ bảo hiểm y tế từ tháng 6/2021 đến tháng 01/2022.

Sau khi Tổng LĐLĐ Việt Nam gửi kiến nghị Chính phủ bổ sung đối tượng hỗ trợ ảnh hưởng của dịch Covid-19, trong đó đề xuất chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động được miễn đóng vào Quỹ bảo hiểm y tế (BHYT), BHXH Việt Nam cũng đã có công văn gửi Bộ LĐ-TB-XH có ý kiến về vấn đề này.

Theo đó, BHXH Việt Nam thống nhất miễn đóng BHYT đối với người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng tiền lương tại những đơn vị bị tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch Covid-19.

Người sử dụng lao động đóng 3% mức lương tối thiểu và người lao động miễn đóng BHYT 1,5%. Thời gian miễn đóng tối đa 8 tháng, tính từ tháng 6/2021 đến tháng 01/2022.

BHXH cũng đồng ý chính sách duy trì thẻ BHYT đối với người lao động bị mất việc, trong thời gian tối đa 8 tháng. Đối

tượng được hưởng chính sách này phải có thời gian tham gia BHYT đủ 2 năm liên tục trước thời điểm bị mất việc...

Tuy nhiên, theo BHXH Việt

Nam, nội dung kiến nghị thay đổi trách nhiệm đóng BHYT là việc quyết định hưởng chính sách đối với người lao động trong thời gian không tham gia đóng BHYT vượt quá thẩm quyền của Chính phủ.

Theo quy định hiện hành, Quốc hội là cơ quan đưa ra quyết định các vấn đề này, vì vậy, cần báo cáo cơ quan có thẩm quyền đưa ra quyết định cuối cùng.

Ngoài ra, BHXH Việt Nam cũng đề nghị khi ban hành các chính sách này cần cụ thể trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc xác định đối tượng hỗ trợ.

Trước đó, theo dự kiến của Tổng LĐLĐ Việt Nam, số lượng người được hỗ trợ miễn đóng BHYT là 50.000 người, với tổng số tiền là 33,6 tỉ đồng.

*Theo Thu Hằng, thanhnien.vn*

## 2. Bộ sẽ nghiên cứu, tiếp thu, sửa đổi Luật quảng cáo

TTO - Bộ Văn hóa - thể thao và du lịch sẽ phối hợp với Bộ Thông tin và truyền thông nghiên cứu, tiếp thu trong quá trình tổng kết việc thực hiện Luật quảng

cáo, để sửa đổi các nội dung về hoạt động quảng cáo trên báo chí trong luật này.

Đây là chia sẻ của Thứ trưởng Bộ Văn hóa - thể thao và du lịch Trịnh Thị Thủy sáng nay 01/6, liên quan tới một số quy định bất cập trong Nghị định 38/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo có hiệu lực từ hôm nay.

Về phản ánh của báo chí gần đây về việc Nghị định 38 có những quy định gây khó khăn cho doanh nghiệp quảng cáo là quy định xử phạt từ 10-15 triệu đồng với hai hành vi: không thiết kế để độc giả có thể chủ động tắt hoặc mở quảng cáo không ở vùng cố định, hoặc thời gian chờ tắt hoặc mở quảng cáo thời gian lớn hơn 1,5 giây; và thiết kế, bố trí phần quảng cáo lấn vào phần nội dung, bà Thủy giải thích quy định này không thay đổi so với quy định trong Nghị định 158 ra đời từ năm 2013 mà Nghị định 38 thay thế từ 01/6/2021.

Và cả hai quy định này đều phù hợp với quy định của Luật quảng cáo năm 2012 và Luật xử lý vi phạm hành chính. Theo bà Thủy, quy định này lúc ban hành là phù hợp, với lý do để tránh độc giả phải xem quảng cáo kiểu cưỡng bức, gây ức chế.

Bà Thủy cũng nhấn mạnh đây không phải là quy định mới, đã thực hiện gần 10 năm nay, sẽ không ảnh hưởng tới doanh thu của báo điện tử như lo lắng của các doanh nghiệp.

Tuy vậy, bà Thủy cũng khẳng định trong tình hình hiện nay, trước nhiều ý kiến

cho rằng các quy định quảng cáo đối với mạng xã hội, trang thông tin điện tử xuyên biên giới quy định đơn giản và thuận lợi hơn so với báo điện tử, bộ sẽ phối hợp với Bộ Thông tin và truyền

thông "nghiên cứu, tiếp thu và tổng hợp trong quá trình tổng kết tiến tới sửa đổi, bổ sung các nội dung

về hoạt động quảng cáo trên báo chí tại Luật quảng cáo".

Về lộ trình cụ thể, bà Thủy thông tin thêm, năm 2022, Bộ Văn hóa - thể thao và du lịch sẽ tổng kết 10 năm thi hành Luật quảng cáo và các văn bản hướng dẫn nhằm nắm bắt sự thay đổi của hoạt động quảng cáo, phương tiện, phương thức quảng cáo mới để từ đó có những kiến nghị, đề xuất sửa đổi các quy định phù hợp với thực tiễn.

Bà Thủy cũng cho biết các quy định áp dụng đối với hoạt động quảng cáo trên mạng xã hội không giống như trên báo chí, nhưng vẫn phải đảm bảo sự trung thực, chính xác của thông tin, bảo vệ quyền lợi cho người tiếp nhận, không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội theo quy định của Luật quảng cáo, chứ không phải là hoàn toàn không bị điều chỉnh bởi nghị định 38.

*Theo Thiên Điều, tuoitre.vn*



Hàng dầm, hàng giá quá để quảng cáo trên YouTube - Ảnh: Đức Thiện.

**1. Chính sách thuế thu nhập cá nhân**

Người nộp thuế phải thực hiện đăng ký thuế và được cơ quan thuế cấp mã số thuế trước khi bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc có phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Trường hợp đối tác của Công ty là cá nhân kinh doanh đã được cấp mã số thuế thì dùng mã số thuế này để kê khai, nộp thuế khi phát sinh các nghĩa vụ thuế đối với ngân sách nhà nước, trong đó có kê khai, nộp thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công và từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trường hợp Công ty chi trả các khoản thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền cho cá nhân là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thì Công ty có trách nhiệm khai và nộp thuế thay cho cá nhân theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định 126/2020/NĐ-CP.

*Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty TNHH Newhope Hà Nội tại Công văn số 20217/CTHN-TTHT ngày 07/6/2021.*

**2. Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng vốn**

Trường hợp Ngân hàng Standard Chartered Bank (tại Vương Quốc Anh) có hoạt động chuyển nhượng vốn tại Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Bank (Việt Nam) cho bên nhận chuyển nhượng vốn là Ngân hàng TNHH Standard Chartered Bank (Singapore) thì giá mua của phần vốn chuyển nhượng làm căn cứ tính thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng vốn được xác định theo quy định tại Điều 8 Thông tư 96/2016/TT-BTC.

*Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Ngân hàng TNHH MTV Standard*

*Chartered tại Công văn số 20216/CTHN-TTHT ngày 07/6/2021.*

**3. Chính sách thuế thu nhập cá nhân với chuyên gia nước ngoài sử dụng nhà của công ty**

Trường hợp Công ty mua căn hộ phụ vụ cho việc lưu trú của chuyên gia nước ngoài, nếu tại Hợp đồng lao động quy định Công ty chi trả tiền lương (không bao gồm tiền nhà ở) và chịu trách nhiệm bố trí nơi ở cho chuyên gia nước ngoài trong thời gian công tác tại Việt Nam thì các khoản chi phí khấu hao, tiền điện, nước và các dịch vụ khác kèm theo (nếu có) tương ứng với thời gian chuyên gia nước ngoài sử dụng nhà ở tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của người lao động theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 11 Thông tư 92/2015/TT-BTC.

*Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Ngân hàng TNHH Lotte Shopping Plaza Việt Nam tại Công văn số 20214/CTHN-TTHT ngày 07/6/2021.*

**4. Hướng dẫn về hóa đơn chi phí trước khi thành lập doanh nghiệp**

Trường hợp Công ty trước khi được cấp giấy phép thành lập có ủy quyền cho công ty khác chi hộ các khoản chi phí liên quan đến tiền lương, BHXH bắt buộc, công, đoàn phí, thuế TNCN và các chi phí mua bán khác thì các hóa đơn, chứng từ mang tên tổ chức được ủy quyền được coi là chứng từ hợp lý, hợp lệ để hạch toán vào chi phí hợp lý được trừ của Công ty khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC.

*Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty TNHH True North tại Công văn 17151/CTHN-TTHT ngày 20/5/2021.*

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
<b>CHÍNH PHỦ</b>			
1	Nghị định 56/2021/NĐ-CP quy định chi tiết Nghị quyết 1024/2020/UBTVQH14 ngày 09/10/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc bổ sung nhóm hàng vật tư, thiết bị y tế vào Danh mục hàng dự trữ quốc gia.	31/5/2021	31/5/2021
2	Nghị định 55/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.	24/5/2021	10/7/2021
3	Nghị định 54/2021/NĐ-CP quy định về đánh giá sơ bộ tác động môi trường.	21/5/2021	21/5/2021
4	Nghị định 53/2021/NĐ-CP về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len giai đoạn 2021-2022.	21/5/2021	21/5/2021
<b>BỘ TÀI CHÍNH</b>			
1	Thông tư 36/2021/TT-BTC hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP; Nghị định 32/2018/NĐ-CP; Nghị định 121/2020/NĐ-CP và Nghị định 140/2020/NĐ-CP.	26/5/2021	10/7/2021
2	Thông tư 32/2021/TT-BTC hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp Nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần.	17/5/2021	01/7/2021
3	Thông tư 31/2021/TT-BTC quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế.	17/5/2021	02/7/2021
<b>BỘ XÂY DỰNG</b>			
1	Thông tư 01/2021/TT-BXD về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.	19/5/2021	05/7/2021
2	Thông tư 02/2021/TT-BXD về việc ban hành QCVN 06:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình.	19/5/2021	05/7/2021
3	Thông tư 03/2021/TT-BXD về việc ban hành QCVN 04:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nhà chung cư.	19/5/2021	05/7/2021
<b>BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b>			
1	Thông tư 03/2021/TT-BTNMT hướng dẫn nội dung chi tiết phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước; lập và phê duyệt phương án sử dụng đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.	12/5/2021	28/6/2021



**GLOBAL VIETNAM  
LAWYERS**

**Liên Hệ Với Chúng Tôi**

**[info@gvlawyers.com.vn](mailto:info@gvlawyers.com.vn)**

**Trụ sở chính – TP. HCM**

Tầng 8, Tòa nhà Centec  
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai  
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3  
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Tel: +84 (28) 3622 3555

**Chi nhánh Hà Nội**

Tầng 10A, Tòa nhà CDC  
25 Lê Đại Hành  
Quận Hai Bà Trưng  
Hà Nội, Việt Nam  
Tel: +84 (24) 3208 3555

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 3, Tòa nhà Indochina  
Riverside, 74 Bạch Đằng  
Quận Hải Châu  
Đà Nẵng, Việt Nam  
Tel: +84 (28) 3622 3555

*Nội dung của Bản tin này không phải là tư vấn pháp lý và cũng không thể hiện ý kiến của chúng tôi hoặc của bất cứ luật sư hay chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Bản tin này cung cấp các thông tin chung và những thông tin này có thể chưa đầy đủ hoặc chưa được cập nhật kịp thời tại thời điểm được đọc. Nội dung này cũng không nhằm sử dụng như phần hỗ trợ thêm cho các ý kiến tư vấn và quan điểm pháp lý của chúng tôi. Vui lòng tìm kiếm các ý kiến tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác phù hợp với những vấn đề mà bạn gặp phải. Chúng tôi, GV Lawyers, tuyên bố rõ ràng là sẽ không chịu trách nhiệm về những hành động hoặc không hành động dựa trên bất kỳ hoặc toàn bộ nội dung của Bản tin này.*

